

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA H'LEO
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 39/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 11/7/2022.
V/v: Kiện ly hôn, tranh chấp
nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Ngọc Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân gồm có: Ông Võ Ánh Sửu.

Ông Hoàng Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Việt Tiệp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo tham gia phiên tòa:
Ông Hồ Quang Phúc – Kiểm sát viên.

Ngày 11/7/2022, tại phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 138/2022/TLST-HNGĐ ngày 15/4/2022 về việc: “*Kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 31 tháng 5 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 28/2022/QĐ-HPT ngày 15/6/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bé Thị T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn 4, xã Ea Tір, huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Đàm Văn T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn 4, xã Ea Tір, huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bé Thị T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Đàm Văn T chung sống với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 03/6/2013 tại UBND xã T, huyện P, tỉnh C. Sau thời gian chung sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Đàm Văn T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chúng tôi có một người con chung là cháu Đàm Thị C, sinh ngày 29/10/2004, hiện cháu đang ở với tôi.

Nguyên vọng của tôi là được tiếp tục chăm sóc cháu C cho đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng: Tôi không yêu cầu anh Đàm Văn T cấp dưỡng.

Về nợ chung và tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đàm Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.*

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'leo:*

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Về người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp tổng đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình – Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bé Thị T; Về quan hệ hôn nhân: Chị Bé Thị T được ly hôn với anh Đàm Văn T; Về con chung: Cần giao cháu Đàm Thị C, sinh ngày 29/10/2004 cho chị Bé Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu C đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi; Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Bé Thị T không yêu cầu anh Đàm Văn T cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung và nợ chung: Chị Bé Thị T không yêu cầu giải quyết nên không đề cập xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Bé Thị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đàm Văn T là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, bị đơn anh Đàm Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai, không có lý do. Nguyên đơn chị Bé Thị T có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bé Thị T và anh Đàm Văn T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 03/6/2013 tại

UBND xã T, huyện P, tỉnh C. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Qua lời trình bày của chị T thì chị T và anh T thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T; Qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị T và anh T sinh sống, quá trình mâu thuẫn vợ chồng chị T và anh T không báo với chính quyền địa phương nên địa phương không nắm rõ. Hiện anh T đang đi làm xa, ít khi có mặt tại nhà.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống chị T và anh T có một người con chung là cháu Đàm Thị C, sinh ngày 29/10/2004. Mặc dù nguyện vọng của cháu C được ở với bố. Tuy nhiên, xét thấy anh T hiện đi làm ăn xa, rất ít khi có mặt tại nhà nên không đảm bảo điều kiện để chăm sóc, giáo dục cháu C; hiện tại cháu C cũng đang ở với mẹ, để đảm bảo điều kiện học hành, sinh hoạt và không gây xáo trộn trong cuộc sống của cháu thì cần giao cháu C cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu C đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Bé Thị T không yêu cầu anh Đàm Văn T cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra giải quyết.

Anh Đàm Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung; nợ chung: Chị Bé Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Bé Thị T là đồng bào dân tộc thiểu số; sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bé Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bé Thị T được ly hôn với anh Đàm Văn T.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Đàm Thị C, sinh ngày 29/10/2004 cho chị Bé Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu C đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Bé Thị T không yêu cầu anh Đàm Văn T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đàm Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung; nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Bé Thị T là đồng bào dân tộc thiểu số; sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND huyện Ea H'leo;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã E;
- UBND xã T, huyện P, tỉnh C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lưu Thị Ngọc Thủy